



Mã đề thi: 503

Họ và tên học sinh:.....

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (Từ câu 1 đến câu 40)

Câu 1: Có 4 lọ, mỗi lọ đựng dung dịch một chất đã hòa tan trong cùng một dung môi hỗn hợp etanol/H₂O. Đó là các dung dịch anilin, rượu benzyllic, p-crezol, phenol. Cho quỳ tím vào từng dung dịch, thì chất không làm đổi màu quỳ tím là

- A. anilin. B. phenol. C. p-crezol. D. tất cả các chất.

Câu 2: Nhiệt phân hoàn toàn 13,24 gam muối nitrat nào sau đây tạo ra được 2,24 lít khí do ở điều kiện tiêu chuẩn?

- A. Cu(NO₃)₂. B. Zn(NO₃)₂. C. Pb(NO₃)₂. D. Hg(NO₃)₂.

Câu 3: Cho hợp chất p-HO-C₆H₄-CH₂OH tác dụng với lượng dư axit axetic có H₂SO₄ đặc làm xúc tác, đun nóng, phản ứng xảy ra với hiệu suất 100%. Sản phẩm tạo ra là

- A. CH₃-COO-C₆H₄-CH₂OH. B. HO-C₆H₄-CH₂OOC-CH₃.
C. CH₃-COO-C₆H₄-CH₂OOCCH₃. D. hỗn hợp gồm tất cả các chất trên.

Câu 4: Khi hòa tan 30 gam hỗn hợp đồng và đồng (II) oxit trong dung dịch HNO₃ loãng, dư thủy解脱 ra 6,72 lít (đktc) khí NO duy nhất. Hàm lượng % khối lượng của đồng (II) oxit trong hỗn hợp ban đầu là

- A. 4,0%. B. 2,4%. C. 3,2%. D. 4,8%.

Câu 5: Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol hợp chất X có công thức HOOC-(CH₂)_n-COOH, cho sản phẩm cháy vào bình nước vôi trong thu được 30 gam kết tủa. Y là một rượu no đơn chức khi bị đun nóng với H₂SO₄ đặc thì tạo ra olefin. Đốt cháy hoàn toàn một este đa chức tạo bởi X và Y được tỉ lệ khối lượng CO₂: H₂O tương ứng là 1,76 : 63. Vậy n có giá trị bằng

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 6: Điện phân 500ml dung dịch hỗn hợp gồm NaCl 0,1M và AlCl₃ 0,3M trong điều kiện có màng ngăn, điện cực trợ tối kỵ ở anot không tạo ra khí clo nữa. Sau điện phân, lọc lấy kết tủa rồi nung ở nhiệt độ cao đến khối lượng không đổi. Số gam chất rắn thu được sau khi nung là

- A. 7,65 gam. B. 5,10 gam. C. 15,30 gam. D. 10,20 gam.

Câu 7: Cho từng chất CH₃COOH, C₆H₅COOH, glucozo, manzozơ tác dụng với metanol khi có axit làm xúc tác thì metanol phản ứng được với những chất nào?

- A. CH₃COOH và C₆H₅COOH. B. CH₃COOH và glucozo.
C. CH₃COOH, C₆H₅COOH và glucozo. D. CH₃COOH, C₆H₅COOH, glucozo và manzozơ.

Câu 8: Cho từng chất: Nước brom (X), [Ag(NH₃)₂]OH (Y), H₂Ni, f (Z), Cu(OH)₂ trong môi trường kiềm nóng (T), tác dụng với glucozo và fructozơ. Hai monosaccharit đó tạo ra cùng một sản phẩm hữu cơ trong phản ứng với

- A. X và Y. B. Y và Z. C. Z. D. Y, Z và T.

Câu 9: Tiến hành phản ứng trùng hợp 5,2 gam stiren trong một cốc thủy tinh. Sau khi ngừng phản ứng thấy hỗn hợp các chất trong cốc có khả năng làm mất màu hoàn toàn 40 ml dung dịch nước brom 0,1M. Vậy số gam polistiren tạo ra là

- A. 5,2 gam. B. 4,784 gam. C. 4,874 gam. D. 4,478 gam.

Câu 10: Hòa tan m gam FeSO₄·7H₂O trong nước được 300 ml dung dịch. Thêm một lượng H₂SO₄ loãng vào 20 ml dung dịch trên, dung dịch này vừa đủ làm mất màu 30 ml dung dịch KMnO₄ 0,1M. Giá trị của m là

- A. 55,55 gam B. 62,55 gam. C. 65,55 gam. D. 50,55 gam.

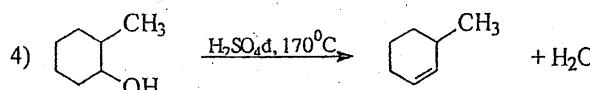
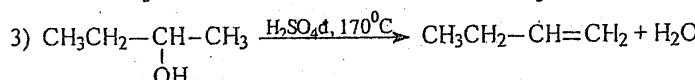
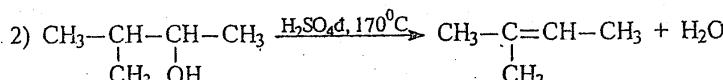
Câu 11: Đốt cháy hoàn toàn một hỗn hợp X gồm những lượng bằng nhau về số mol của FeS₂ và Cu₂S thu được 3,36 lít khí SO₂ (đktc). Hòa tan chất rắn còn lại gồm Fe₂O₃ và CuO vào axit HCl vừa đủ, thu được dung dịch Y. Điện phân dung dịch Y tới khi vừa hết ion Cu²⁺. Tính điện lượng đã tiêu tốn, giả thiết hiệu suất các phản ứng đều là 100%.

- A. 9650 C. B. 19300 C. C. 24125 C. D. 14475 C.

Câu 12: Cho 0,1 mol este C_nH_{2n+1}COOC_mH_{2m+1} vào cốc chứa 30 ml dung dịch hidroxit của kim loại kiềm ROH có nồng độ 20% (khối lượng riêng d = 1,2 g/ml). Sau khi phản ứng xả phòng hóa xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch rồi đốt cháy hết chất rắn khan còn lại. Sau phản ứng cháy chỉ thu được 9,54 gam R₂CO₃ và 8,26 gam hỗn hợp gồm CO₂, H₂O bay ra. Vậy kim loại kiềm và axit tạo ra este ban đầu là

- A. K và HCOOH. B. Na và CH₃COOH. C. K và CH₃COOH. D. Na và HCOOH.

Câu 13: Cho các phản ứng sau:



Phản ứng tạo ra sản phẩm chính viết đúng theo quy tắc Zaitsev là

- A. (1). B. (2). C. (3). D. (4).

Câu 14: Cho 4,64 gam hỗn hợp A chứa FeO, Fe₃O₄, Fe₂O₃, trong đó số mol FeO bằng số mol Fe₂O₃ tác dụng với dung dịch HCl 1M vừa đủ. Thể tích dung dịch HCl cần dùng là

- A. 0,16 lít. B. 0,26 lít. C. 0,32 lít. D. 0,08 lít.



Câu 15: Hòa tan glixin vào lượng dư etanol, rồi bão hòa khí hiđroclorua vào dung dịch. Sau một thời gian thu được sản phẩm A. Vậy A là

- A. $\text{HCl} \cdot \text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$.
B. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOC}_2\text{H}_5$.
C. $\text{HCl} \cdot \text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOC}_2\text{H}_5$.
D. $\text{H}_3\text{N}^+-\text{CH}_2-\text{COO}^-$.

Câu 16: Khi hòa tan FeS_2 vào HNO_3 đặc, nóng tạo ra khí NO_2 theo phương trình phản ứng :

- 1) $\text{FeS}_2 + 18\text{HNO}_3 \rightarrow \text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + 2\text{H}_2\text{SO}_4 + 1.5\text{NO}_2 + 7\text{H}_2\text{O}$.
2) $2\text{FeS}_2 + 30\text{HNO}_3 \rightarrow \text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3 + \text{H}_2\text{SO}_4 + 30\text{NO}_2 + 14\text{H}_2\text{O}$.

Theo nguyên tắc thì

- A. chỉ có phản ứng (1) đúng.
B. chỉ có phản ứng (2) đúng.
C. cả hai phản ứng (1) và (2) đều đúng.
D. cả hai phản ứng (1) và (2) đều không đúng.

Câu 17: Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử dạng $\text{C}_x\text{H}_y\text{O}_z$ và có khối lượng mol phân tử là 74gam. X có khả năng tham gia phản ứng tráng gương. Số hợp chất thỏa mãn tính chất của X là

- A. 3 chất. B. 4 chất. C. 5 chất. D. 6 chất.

Câu 18: Cho cân bằng sau : $\text{Cr}_2\text{O}_7^{2-} + \text{H}_2\text{O} \xrightleftharpoons[\text{axit}]{\text{kiềm}} 2\text{CrO}_4^{2-} + 2\text{H}^+$

(Màu da cam) (Màu vàng)

Thêm axit HCl đặc, dư vào dung dịch K_2CrO_4 thì dung dịch chuyển thành

- A. màu da cam. B. màu vàng. C. màu xanh. D. không màu.

Câu 19: Trong số các dung dịch: AgNO_3 , $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$, $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$, dung dịch tạo kết tủa với NH_3 dư là

- A. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$. B. AgNO_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$. C. AgNO_3 , $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ và $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$. D. AgNO_3 , $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ và $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$.

Câu 20: Hòa tan hoàn toàn 3 gam hỗn hợp gồm kim loại R hóa trị (I) và kim loại M hóa trị (II) vào dung dịch hỗn hợp HNO_3 và H_2SO_4 , sau phản ứng thu được dung dịch A và có 1,344 lít hỗn hợp khí B (dktc) gồm NO_2 và một khí C. Khối lượng hỗn hợp B là 2,94 gam. Nếu lấy một ít dung dịch A cho tác dụng với lượng dư bột Cu và H_2SO_4 loãng thì không có khí thoát ra. Hãy cho biết tổng số gam muối khan có trong dung dịch A?

- A. 7,06 gam. B. 6,36 gam. C. 7,34 gam. D. Trong khoảng 6,36 đến 7,34 gam.

Câu 21: Rượu A là một đồng phân của $\text{C}_4\text{H}_{10}\text{O}$ khi tác dụng với CuO ở nhiệt độ cao cho sản phẩm hữu cơ B có khả năng tham gia phản ứng tráng gương. Khi cho A tách nước trong điều kiện thích hợp tạo ra anken C. Nếu cho C hợp nước (có H_2SO_4 xúc tác) sẽ thu được rượu bậc III. Vậy A là

- A. rượu n-butylic. B. rượu sec-butylic. C. rượu isobutylic. D. rượu tert-butylic.

Câu 22: Cho các chất glucozo, fructozo, saccarozo lần lượt tác dụng với metanol khi có mặt axit HCl làm xúc tác, chất không phản ứng là

- A. glucozo. B. fructozo. C. saccarozo. D. fructozo và saccarozo.

Câu 23: Trong số các kim loại Cu, Pb, Sn, Zn thì kim loại có tác dụng hấp thụ tia γ nên được dùng để ngăn cản chất phóng xạ là

- A. Cu. B. Pb. C. Sn. D. Zn.

Câu 24: Chỉ số xà phòng Hđa là số miligam KOH cần thiết để tác dụng với chất béo và axit béo tự do có trong 1 gam chất béo. Khi xà phòng hóa hoàn toàn 2,52 gam một chất béo cần dùng 90 ml dung dịch NaOH 0,1M. Vậy chỉ số xà phòng hóa của chất béo đó là

- A. 200. B. 196. C. 205. D. 210.

Câu 25: Độ của rượu bằng bậc của nguyên tử cacbon liên kết trực tiếp với nhóm $-\text{OH}$. Trong số các rượu $\text{C}_6\text{H}_{13}\text{OH}$ số lượng các rượu bậc ba là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 26: Từ các chất hữu cơ chứa 2 nguyên tử cacbon trong phân tử có thể viết được bao nhiêu phản ứng trực tiếp tạo ra CH_3CHO ?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 27: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X gồm những lượng bằng nhau về số mol của FeS_2 và Cu_2S , thu được 3,36 lít khí SO_2 (dktc) và chất rắn Y gồm Fe_2O_3 và Cu_2O . Hấp thụ hết khí SO_2 thu được bằng dung dịch nước vừa đủ được dung dịch Z có nồng độ loãng. Cho toàn bộ Y vào Z, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thì số gam chất rắn còn lại không tan là

- A. 1,6 gam. B. 3,2 gam. C. 11,2 gam. D. 14,4 gam.

Câu 28: Cho phenol tác dụng với anđehit fomic, muôn tạo ra polime có cấu tạo mạng không gian phải

- A. dùng dư anđehit fomic và xúc tác axit. B. dùng dư anđehit fomic và xúc tác kiềm.
C. dùng dư phenol và xúc tác axit. D. dùng đúng tỉ lệ các chất theo phương trình phản ứng.

Câu 29: Khi cho cùng một khối lượng của rượu etylic và glixerol tác dụng với Na dư thì tỉ lệ thể tích khí thoát ra từ rượu etylic (V_1) và từ glixerol (V_2) tương ứng là

- A. $V_1 : V_2 = 1 : 1$. B. $V_1 : V_2 = 1 : 1.5$. C. $V_1 : V_2 = 1 : 3$. D. $V_1 : V_2 = 1 : 2$.

Câu 30: Có ba thanh kim loại là sắt nguyên chất (X), kẽm nguyên chất (Y), sắt lắn kẽm (Z). Trong không khí ẩm thì

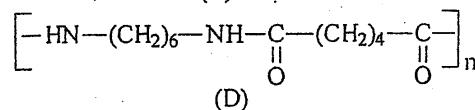
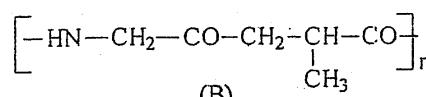
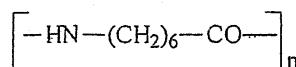
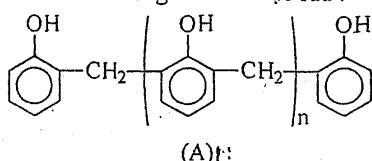
- A. thanh X dễ bị ăn mòn nhất. B. thanh Y dễ bị ăn mòn nhất.
C. thanh Z dễ bị ăn mòn nhất. D. các thanh bị ăn mòn như nhau.

Câu 31: Trong phòng thí nghiệm, khi điều chế CO_2 từ CaCO_3 và HCl , Khí CO_2 thu được thường có lẫn khí HCl và hơi nước. Để loại tạp chất HCl ra khỏi khí CO_2 tốt nhất nên dùng

- A. $\text{Ca}(\text{OH})_2$. B. dung dịch NaHCO_3 đặc.
C. dung dịch KOH đặc. D. dung dịch Na_2CO_3 đặc.



Câu 32: Cho các công thức cấu tạo sau:



Công thức cấu tạo của tơ enang là

A. A.

B. B.

C. C.

D. D.

Câu 33: Hòa tan 5,6 gam hỗn hợp Fe và Cu bằng dung dịch HNO_3 1M, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 3,92 gam chất rắn không tan và khí NO là sản phẩm khử duy nhất. Biết rằng trong hỗn hợp ban đầu Cu chiếm 60% về khối lượng. Hãy tính thể tích dung dịch HNO_3 đã dùng.

A. 0,07 lít.

B. 0,08 lít.

C. 0,12 lít.

D. 0,16 lít.

Câu 34: Cho 0,1 mol Cu tác dụng với 100 ml dung dịch HNO_3 1M thu được x lít khí NO. Cho 0,1 mol Cu tác dụng với 100 ml dung dịch hỗn hợp gồm HNO_3 1M và H_2SO_4 0,5M thu được y lít khí NO. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, các thể tích khí đo ở cùng điều kiện. Tỷ số x : y là

A. 1.

B. 2.

C. 0,5.

D. 0,25.

Câu 35: Hòa tan hết 7,68 gam một kim loại bằng dung dịch HNO_3 thu được 1,792 lít khí NO duy nhất ở điều kiện tiêu chuẩn. Kim loại đó là

A. Fe.

B. Ag.

C. Mg.

D. Cu.

Câu 36: Hai este A, B là đồng phân của nhau và đều do axit cacboxylic no, đơn chức và rượu no đơn chức tạo thành. Để xà phòng hóa hoàn toàn 33,3 gam hỗn hợp hai este trên cần vừa đủ 450 ml dung dịch $NaOH$ 1M. Tên gọi hai este đó là

A. etyl formiat và methyl axetat.

B. etyl axetat và propyl formiat.

C. butyl formiat và etyl propionat.

D. methyl axetat và methyl formiat.

Câu 37: Hòa tan m gam bột Fe kim loại bằng dung dịch H_2SO_4 đặc, đun nóng. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch A, 672 ml khí SO_2 (đktc) và 0,56 gam Fe chưa tan hết. Khối lượng Fe ban đầu m có giá trị bằng

A. 1,12 gam.

B. 1,68 gam.

C. 2,24 gam.

D. 2,8 gam.

Câu 38: Xà phòng hóa hoàn toàn 1,1 gam một este no đơn chức M với dung dịch KOH dư, thu được 1,4 gam muối. Ti khối hơi của M so với CO_2 bằng 2. Vật công thức của M là

A. $HCOOC_4H_9$.

B. $HCOOC_3H_7$.

C. $CH_3COOC_2H_5$.

D. $C_2H_5COOCH_3$.

Câu 39: Sau bài thực hành hóa học, trong một số chất thải ở dạng dung dịch chứa các ion: Cu^{2+} , Zn^{2+} , Fe^{3+} , Pb^{2+} , Hg^{2+} . Dùng chất nào sau đây để xử lý sơ bộ các chất thải đó?

A. HNO_3 .

B. Giấm ăn.

C. Etanol.

D. Nước vôi dư.

Câu 40: Hợp chất A chỉ chứa cacbon, hidro và oxi, A có khối lượng mol phản tử bằng 90 gam. Cho A tác dụng với $NaHCO_3$, thì có khí bay ra. Cho A tác dụng hết với Na tạo ra số mol H_2 bằng số mol A. Số lượng hợp chất thỏa mãn những tính chất trên của A là

A. 1 chất.

B. 2 chất.

C. 3 chất.

D. 4 chất.

PHẦN RIÊNG: Thí sinh chỉ được chọn một trong hai phần dưới đây:

Phần 1: Dành cho thí sinh ban Cơ bản (Từ câu 41 đến câu 50).

Câu 41: Dẫn 13,44 lít khí NH_3 (đktc) vào cốc chứa 100 ml dung dịch $CuSO_4$ 2M. Sau phản ứng, lọc lấy kết tủa rồi nung đến khối lượng không đổi ở nhiệt độ $800^\circ C$. Số gam chất rắn còn lại là

A. 8 gam.

B. 16 gam.

C. 12 gam.

D. trong khoảng từ 8 đến 16 gam.

Câu 42: Có ba loại hợp chất cao phân tử là PVC, thủy tinh hữu cơ, nilon-6,6. Loại polime kém bền về mặt hóa học (đã bị axit và kiềm tác dụng) là

A. thủy tinh hữu cơ.

B. PVC.

C. nilon-6,6.

D. tất cả các chất đã cho.

Câu 43: Hợp chất $C_9H_8O_2$ cộng với brom trong nước theo tỉ lệ mol 1 : 1, tác dụng với dung dịch $NaOH$ tạo ra 2 muối và nước. Khối lượng mol mỗi muối đều lớn hơn 82 gam. Vật công thức của chất là

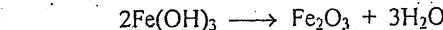
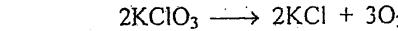
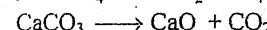
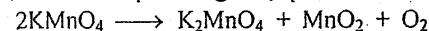
A. $CH_2=CHCOOC_6H_5$.

B. $HCOOC_6H_4CH=CH_2$.

C. $C_6H_5COOCH=CH_2$.

D. $C_6H_5CHCOOCH_3$.

Câu 44: Cho các phản ứng nhiệt phản sau :



Phản ứng thuộc loại oxi hóa khử là

A. (I).

B. (I) và (II).

C. (II), (III) và (IV).

D. (I), (II), (III) và (IV)

Câu 45: Hòa tan Cr_2O_3 vào lượng dư dung dịch $NaOH$, sau đó thêm brom vào dung dịch đủ để phản ứng hết với hợp chất của Crom. Sau phản ứng thu được dung dịch A. Hãy cho biết dung dịch A có màu gì?

A. Vàng.

B. Da cam.

C. Xanh tím.

D. Không màu.

Câu 46: Hợp chất A có công thức $C_2H_7NO_2$ có phản ứng tráng gương, khi phản ứng với dung dịch $NaOH$ loãng tạo ra khí B, khí này khi tác dụng với dung dịch hỗn hợp gồm $NaNO_2$ và HCl tạo ra khí đơn chất X. Vậy chất A là chất nào dưới đây?

A. Amoni axetat.

B. Metylamonii formiat.

C. Alanin.

D. H_4N-CH_2-COOH .



Câu 47: Trong số các chất $\text{Cu}(\text{OH})_2$, $\text{Fe}(\text{OH})_3$, $\text{Al}(\text{OH})_3$, $\text{Mg}(\text{OH})_2$ thì chất bị dung dịch NH_4Cl hòa tan là
 A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$. B. $\text{Fe}(\text{OH})_3$. C. $\text{Al}(\text{OH})_3$. D. $\text{Mg}(\text{OH})_2$

Câu 48: Cho dung dịch các chất : Glycerol, glucozơ, anilin, alanin, albumin. Phương án tốt nhất dùng để phân biệt các dung dịch trên là
 A. dùng $\text{Cu}(\text{OH})_2$ rồi đun nhẹ, sau đó dùng dung dịch nước brom.
 B. dùng lần lượt các dung dịch CuSO_4 , H_2SO_4 , I_2 .
 C. dùng lần lượt các dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$, CuSO_4 , NaOH .
 D. dùng lần lượt các dung dịch HNO_3 , NaOH , H_2SO_4 .

Câu 49: Các chất phenol (X), H_2CO_3 (Y), HCOOH (Z), CH_3COOH (T) được sắp xếp theo trình tự giảm dần của tính chất axit là
 A. $X > Y > Z > T$. B. $T > Z > Y > X$. C. $Z > T > Y > X$. D. $T > Z > X > Y$.

Câu 50: Cho từng axit HF, HCl, HBr, HI phản ứng cộng với etilen. Hãy cho biết chất nào dễ phản ứng với etilen nhất ?
 A. HF. B. HCl. C. HBr. D. HI.

Phần 2: Dành cho thí sinh ban Nâng cao (Từ câu 51 đến câu 60).

Câu 51: Một dung dịch A chứa 3 loại cation và 1 loại anion. Tiến hành các thí nghiệm sau :

- A + $\text{Cu} + \text{H}_2\text{SO}_4$ loãng \rightarrow dung dịch màu xanh và có khí màu nâu bay ra.
- A + dung dịch NH_4SCN \rightarrow dung dịch màu đỏ máu.
- A + dung dịch $\text{NaCl} + \text{HNO}_3$ \rightarrow kết tủa trắng, tan trong dung dịch NH_3 .
- A + dung dịch $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7 + \text{CH}_3\text{COOH}$ \rightarrow kết tủa vàng tươi.

Vậy trong dung dịch A có chứa những ion nào ?

- A. NO_3^- , Fe^{3+} , Ag^+ , Ba^{2+} . B. NO_3^- , Fe^{3+} , Ag^+ , Ca^{2+} .
 C. NO_3^- , Fe^{3+} , Ag^+ , Pb^{2+} . D. NO_3^- , Fe^{3+} , Pb^{2+} , Ca^{2+} .

Câu 52: Thêm dung dịch NaOH từ từ đến dư vào dung dịch muối sunfat của kim loại M, lúc đầu dung dịch bị đặc, cuối cùng lại trong và tạo ra dung dịch A. Thêm H_2O_2 vào A thấy dung dịch biến thành màu vàng. Vậy cation kim loại trong muối sunfat ban đầu là

- A. Al^{3+} . B. Cr^{3+} . C. Zn^{2+} . D. Fe^{2+} .

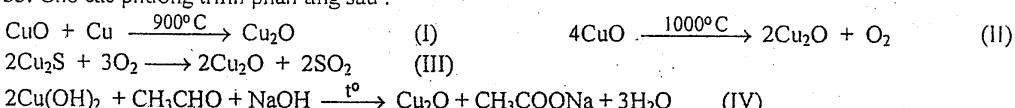
Câu 53: Cho dung dịch NaCN du vào hỗn hợp gồm Ag_2S , FeS_2 , $\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2$, trộn đều một thời gian. Sau đó lọc lấy phần dung dịch và cho tác dụng với bột Zn . Sau thí nghiệm thu được chất rắn A. Vậy A là

- A. ZnS . B. Fe . C. Ag . D. FeS_2 .

Câu 54: Dung dịch kali feroxianua $\text{K}_3[\text{Fe}(\text{CN})_6]$ là thuốc thử nhận biết ion nào trong số các ion sau ?

- A. Fe^{2+} . B. Mg^{2+} . C. Ca^{2+} . D. Zn^{2+} .

Câu 55: Cho các phương trình phản ứng sau :



Phương trình phản ứng đúng là

- A. (IV). B. (II) và (III). C. (III) và (IV). D. (I), (II), (III) và (IV).

Câu 56: Thủy phân từng phần một pentapeptit thu được các di- và tripeptit sau :

Ala-Gly, Phe-Leu, Gly-Phe, Leu-Val, Gly-Phe-Leu.

Vậy cấu trúc bậc 1 của pentapeptit đó là cấu trúc nào dưới đây ?

- A. Ala-Gly-Phe-Leu-Val. B. Gly-Phe-Leu-Ala-Gly.
 C. Gly-Phe-Leu-Gly-Ala. D. Val-Leu-Phe-Gly-Ala.

Câu 57: Trong phân tử amilozơ các mặt xích glucozơ liên kết với nhau bằng các liên kết nào sau đây ?

- A. $\alpha [1-6]$ glucozit. B. $\alpha [1-4]$ glucozit. C. $\beta [1-6]$ glucozit. D. $\beta [1-4]$ glucozit.

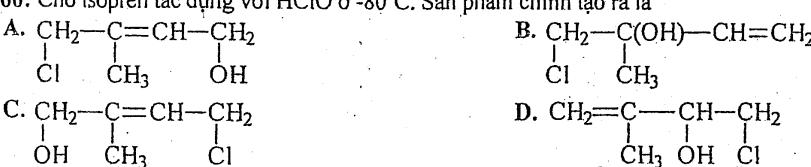
Câu 58: Cho mỗi chất CH_3I (X), HCl (Y), nước brom (Z), NaNO_2/HCl (T) lần lượt tác dụng với anilin. Chất phản ứng được với anilin là

- A. Z. B. Y và Z. C. Y, Z và T. D. X, Y, Z và T.

Câu 59: Cho các chất $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$ (X), CH_3CHO (Y), $(\text{CH}_3)_3\text{COH}$ (Z), $\text{C}_6\text{H}_5\text{CHO}$ (T) lần lượt tác dụng với I_2/NaOH . Chất phản ứng tạo ra kết tủa màu vàng là

- A. X và Y. B. X, Y và Z. C. X, Y, Z và T. D. Y và Z.

Câu 60: Cho isopren tác dụng với HClO ở -80°C . Sản phẩm chính tạo ra là



-----oo-----

Cho: H = 1; Li = 7; Be = 9; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Rb = 85; Sr = 88; Ag = 108; Cs = 133; Ba = 137.



ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA KiẾN THỨC MÔN HÓA HỌC LỚP 12 – 1011

Ngày thi: 24-04-2011

Mã đề thi: 503

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: D. | Câu 2: C. | Câu 3: B. | Câu 4: A. | Câu 5: C. |
| Câu 6: B. | Câu 7: D. | Câu 8: D. | Câu 9: B. | Câu 10: B. |
| Câu 11: C. | Câu 12: B. | Câu 13: B. | Câu 14: A. | Câu 15: C. |
| Câu 16: C. | Câu 17: D. | Câu 18: C. | Câu 19: A. | Câu 20: B. |
| Câu 21: C. | Câu 22: C. | Câu 23: B. | Câu 24: A. | Câu 25: C. |
| Câu 26: C. | Câu 27: A. | Câu 28: B. | Câu 29: B. | Câu 30: C. |
| Câu 31: B. | Câu 32: C. | Câu 33: B. | Câu 34: C. | Câu 35: D. |
| Câu 36: A. | Câu 37: C. | Câu 38: D. | Câu 39: D. | Câu 40: C. |
| Câu 41: A. | Câu 42: C. | Câu 43: A. | Câu 44: B. | Câu 45: A. |
| Câu 46: B. | Câu 47: D. | Câu 48: A. | Câu 49: C. | Câu 50: D. |
| Câu 51: A. | Câu 52: B. | Câu 53: C. | Câu 54: A. | Câu 55: D. |
| Câu 56: A. | Câu 57: B. | Câu 58: D. | Câu 59: A. | Câu 60: B. |

Mã đề thi: 526

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: C. | Câu 2: B. | Câu 3: B. | Câu 4: D. | Câu 5: C. |
| Câu 6: C. | Câu 7: B. | Câu 8: B. | Câu 9: C. | Câu 10: D. |
| Câu 11: B. | Câu 12: B. | Câu 13: A. | Câu 14: C. | Câu 15: C. |
| Câu 16: C. | Câu 17: C. | Câu 18: C. | Câu 19: D. | Câu 20: C. |
| Câu 21: D. | Câu 22: C. | Câu 23: C. | Câu 24: A. | Câu 25: B. |
| Câu 26: A. | Câu 27: B. | Câu 28: D. | Câu 29: D. | Câu 30: B. |
| Câu 31: D. | Câu 32: C. | Câu 33: B. | Câu 34: B. | Câu 35: A. |
| Câu 36: B. | Câu 37: C. | Câu 38: A. | Câu 39: C. | Câu 40: A. |
| Câu 41: A. | Câu 42: A. | Câu 43: A. | Câu 44: D. | Câu 45: D. |
| Câu 46: B. | Câu 47: C. | Câu 48: A. | Câu 49: B. | Câu 50: C. |
| Câu 51: C. | Câu 52: D. | Câu 53: A. | Câu 54: A. | Câu 55: B. |
| Câu 56: A. | Câu 57: A. | Câu 58: B. | Câu 59: B. | Câu 60: D. |

Mã đề thi: 548

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: B. | Câu 2: C. | Câu 3: B. | Câu 4: C. | Câu 5: B. |
| Câu 6: C. | Câu 7: D. | Câu 8: B. | Câu 9: D. | Câu 10: C. |
| Câu 11: A. | Câu 12: C. | Câu 13: C. | Câu 14: D. | Câu 15: C. |
| Câu 16: C. | Câu 17: C. | Câu 18: B. | Câu 19: C. | Câu 20: B. |
| Câu 21: C. | Câu 22: B. | Câu 23: B. | Câu 24: D. | Câu 25: D. |
| Câu 26: A. | Câu 27: A. | Câu 28: C. | Câu 29: B. | Câu 30: D. |
| Câu 31: B. | Câu 32: A. | Câu 33: C. | Câu 34: C. | Câu 35: A. |
| Câu 36: B. | Câu 37: C. | Câu 38: B. | Câu 39: A. | Câu 40: D. |
| Câu 41: A. | Câu 42: C. | Câu 43: A. | Câu 44: B. | Câu 45: A. |
| Câu 46: B. | Câu 47: D. | Câu 48: A. | Câu 49: C. | Câu 50: D. |
| Câu 51: A. | Câu 52: B. | Câu 53: C. | Câu 54: A. | Câu 55: D. |
| Câu 56: A. | Câu 57: B. | Câu 58: D. | Câu 59: A. | Câu 60: B. |

Mã đề thi: 562

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: B. | Câu 2: C. | Câu 3: D. | Câu 4: D. | Câu 5: B. |
| Câu 6: B. | Câu 7: C. | Câu 8: B. | Câu 9: C. | Câu 10: D. |
| Câu 11: C. | Câu 12: C. | Câu 13: C. | Câu 14: B. | Câu 15: C. |
| Câu 16: C. | Câu 17: C. | Câu 18: A. | Câu 19: B. | Câu 20: C. |
| Câu 21: D. | Câu 22: A. | Câu 23: A. | Câu 24: B. | Câu 25: C. |
| Câu 26: B. | Câu 27: B. | Câu 28: C. | Câu 29: D. | Câu 30: D. |
| Câu 31: A. | Câu 32: B. | Câu 33: B. | Câu 34: A. | Câu 35: B. |
| Câu 36: C. | Câu 37: A. | Câu 38: C. | Câu 39: D. | Câu 40: C. |
| Câu 41: A. | Câu 42: A. | Câu 43: A. | Câu 44: D. | Câu 45: D. |
| Câu 46: B. | Câu 47: C. | Câu 48: A. | Câu 49: B. | Câu 50: C. |
| Câu 51: C. | Câu 52: D. | Câu 53: A. | Câu 54: A. | Câu 55: B. |
| Câu 56: A. | Câu 57: A. | Câu 58: B. | Câu 59: B. | Câu 60: D. |